

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PQ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2018

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PQ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Toà án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PQ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25-5-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Thanh L**, sinh năm 1992 (*có đơn xin xét xử mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Anh Huỳnh Văn M**, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 03 năm 2018 và tại phiên họp ngày 09 tháng 4 năm 2018 nguyên đơn chị Lê Thị Thanh L trình bày:** Vào năm 2014 chị và anh Huỳnh Văn M tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DĐ ngày 18-01-2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau một người con chung là Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày

12/12/2014. Lý do con lấy họ của mẹ là khi sinh thì anh M bỏ nhà đi, khi đó mẹ chị L làm khai sinh cho cháu lấy họ của mẹ, thực tế cháu D là con chung của chị L và anh M.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh M đam mê cờ bạc, không lo làm ăn, chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không sửa đổi, chơi thua tiền phải cầm cố xe, chị làm vất vả để kiếm tiền lo cho gia đình, anh M không phụ giúp ngược lại còn phá tài sản. Năm 2015 chị L đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện PQ nhưng vì thương con nên đã rút đơn khởi kiện để cho anh M một cơ hội sửa đổi, nhưng anh M vẫn không thay đổi được. Nay chị L xác định sống với anh M không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh M sống chung sinh được một người con chung tên Lê Huỳnh Kỳ D. Chị L có yêu cầu được nhận quyền giám hộ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Huỳnh Văn M ý kiến tại phiên họp ngày 09 tháng 4 năm 2018 như sau:** Vào năm 2014 anh và chị L yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐĐ ngày 18-01-2014. Vợ chồng chung sống có với nhau một người con chung là cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh năm 2014, cháu D lấy họ mẹ vì khi chị L sinh cháu D, lúc này anh M không có nhà, nên mẹ vợ đi làm giấy tờ lấy họ của vợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau anh M có chơi cờ bạc, chị L không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh M không đồng ý, vì hiện nay anh M vẫn rất thương yêu vợ con và mong muốn được quay về đoàn tụ với nhau. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thanh L (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Văn M (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố

tụng, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L, anh M.

[2] về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh L và anh Huỳnh Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐĐ, huyện PQ ngày 18-01-2014, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Chị L xác định, anh M mê chơi không lo làm ăn, để chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Chị L đã nhiều lần khuyên bảo, thậm chí đã nộp đơn đến Tòa án để xin ly hôn nhưng nghĩ đến con nên chị L rút đơn lại cũng nhằm cho anh M thêm cơ hội nhưng anh M cũng không chịu sửa đổi. Do đó, chị L cho rằng chung sống với anh M không thể tạo dựng được gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng kéo dài. Chị L yêu cầu ly hôn với anh M là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận chị Lê Thị Thanh L được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

Về con chung: Chị L, anh M sống chung sinh được một người con chung tên Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 12-12-2014, chị L và anh M xác định cháu D là con chung nhưng do thời điểm chị sinh thì anh M không có mặt nên chị L kê khai họ mẹ. Cháu D đang ở chung với chị L và do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L có yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu D, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Huỳnh Kỳ D cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên miễn xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị Thanh L và anh Huỳnh Văn M không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Liên đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002980 ngày 13-3-2018 nên chị L được khấu trừ, chị Liên thực hiện xong. Anh M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9; 51; 56; 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh L về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

- **Về con chung:** Giao cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 12-12-2014 cho chị Lê Thị Thanh L nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung.

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Hội đồng xét xử miễn xét.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Thanh L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc theo biên lai thu số 0002980 ngày 13-3-2018, chị L đã thực hiện xong. Anh Huỳnh Văn M không phải chịu án phí ly.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (chị L; anh M vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND PQ;
- THADS PQc;
- UBND thị trấn DĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Kiệt